

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc L (Đỗ Thị L), sinh năm 1985.

Cư trú tại: Ấp Tân Long C, xã Tân Tiến, huyện Đàm Dơi, tỉnh C . (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trịnh Hoài N , sinh năm 1984.

Cư trú tại: Ấp Tân Long C, xã Tân Tiến, huyện Đàm Dơi, tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đỗ Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lài với ông Nhiệm kết hôn vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Qua nhiều năm chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 04 năm. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông N và không thể chung sống cùng nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông N .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Chu K , sinh ngày 13/8/2004 và Trịnh Ly K , sinh ngày 01/11/2007, hiện các con đang sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn nguyện vọng con sống với ai người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà L xác định không có.

- *Đối với bị đơn ông Trịnh Hoài N* : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vào ngày 26/4/2021 bà L có đơn xin vắng mặt; ông N đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông Nhiệm vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông N .

[2] *Về hôn nhân*: Bà L với ông N kết hôn vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, ngày 13/01/2003 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp.

Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay, bà L yêu cầu được ly hôn với ông N . Xét thấy, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông N nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông N vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L . Ngoài ra, vợ chồng ông bà hiện đã ly thân và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông Nhiệm đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông Nhiệm.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 02 con chung Trịnh Chu K , sinh ngày 13/8/2004 và Trịnh Ly K , sinh ngày 01/11/2007. Khi ly hôn nguyện vọng con sống với ai người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con;... nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*”. Theo quy định từ điều luật trên thấy rằng, tại văn bản trình bày nguyện vọng của Chu K và Ly K ngày 26/4/2021 thể hiện, Chu K có nguyện vọng được ở cùng bà

L và Ly K có nguyện vọng được ở với ông N . Do đó, giao Chu K cho bà L và giao Ly K cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Bà Đỗ Ngọc L và ông Trịnh Hoài N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về chia tài sản chung*: Bà Đỗ Ngọc L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà Đỗ Ngọc L xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc L (Đỗ Thị L).

1. Về hôn nhân: Cho bà Đỗ Ngọc L (Đỗ Thị L) ly hôn với ông Trịnh Hoài N

2. Về nuôi con chung: Giao Trịnh Chu K , sinh ngày 13/8/2004 cho bà Đỗ Ngọc L ; giao Trịnh Ly K , sinh ngày 01/11/2007 cho ông Trịnh Hoài N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chưa yêu cầu nên chưa đặt ra xem xét.

Bà Đỗ Ngọc L và ông Trịnh Hoài N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011531 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Ngọc L , ông Trịnh Hoài N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

